THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Số: 45

Ngày 16/11/2026

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 45 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Đẩy mạnh và nâng tầm công tác đối ngoại nhân dân.*
- *Mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.*
- *Tiếp nhận thông tin và quy trình cấp cứu ngoại viện.*
- *Văn bản dự thảo: Dự thảo Thông tư về chế độ thù lao đối với người đọc, kiểm tra và thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu.*
- *Giải đáp pháp luật: Sinh hoạt đảng trực tuyến.*

VĂN BẢN CỦA ĐẢNG

ĐẨY MẠNH VÀ NÂNG TẦM CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN

Sau gần 5 năm thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới, công tác đối ngoại nhân dân đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế Việt Nam và huy động nguồn lực phát triển đất nước. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn hạn chế về nhận thức, phương thức triển khai, phối hợp và huy động nguồn lực. Đánh giá này được nêu tại Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 02/11/2026 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm công tác đối ngoại nhân dân.

Chỉ thị này thay thế Chỉ thị số 12-CT/TW, nhấn mạnh việc nâng cao nhận thức về vai trò chiến lược của đối ngoại nhân dân, xác định đây là một trong ba trụ cột của nền ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp. Đồng thời, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và người dân trong triển khai công tác đối ngoại.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là đổi mới tư duy, phương thức hoạt động đối ngoại nhân dân theo hướng chủ động, thực chất, hiệu quả; chuyển từ giao lưu, hữu nghị sang kết nối, gắn kết lợi ích; mở rộng mạng lưới bạn bè, đối tác quốc tế, tăng cường đối thoại, xây dựng lòng tin và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

Ban Bí thư yêu cầu gắn công tác đối ngoại nhân dân với nhiệm vụ phát triển đất nước, tập trung vào các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, văn hóa, du lịch và phát triển bền vững. Đồng thời, đẩy mạnh thông tin đối ngoại, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, quảng bá hình ảnh Việt Nam và chủ động đấu tranh phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc.

Để thực hiện hiệu quả, Chỉ thị xác định cần kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện cơ chế phối hợp, bảo đảm nguồn lực và xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại nhân dân có bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và công nghệ.

Chỉ thị phân công trách nhiệm cụ thể cho các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ theo vùng áp dụng đối với người lao động làm việc theo

hợp đồng lao động được quy định tại Nghị định số 399/2026/NĐ-CP ngày 02/11/2026 của Chính phủ.

Mức lương này áp dụng từ ngày 01/01/2027. Mức lương tối thiểu tháng tại vùng I là 5.700.000 đồng; vùng II là 5.080.000 đồng; vùng III là 4.450.000 đồng; vùng IV là 4.040.000 đồng. Mức lương tối thiểu theo giờ tại vùng I là 27.400 đồng; vùng II là 24.400 đồng; vùng III là 21.400 đồng; vùng IV là 19.400 đồng.

Việc áp dụng địa bàn vùng được xác định theo nơi hoạt động của người sử dụng lao động. Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn thuộc vùng nào thì áp dụng đối với địa bàn đó. Người sử dụng lao động có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó. Người sử dụng lao động hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất. Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn có sự đổi tên hoặc chia thì tạm thời áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn trước khi đổi tên hoặc chia cho đến khi Chính phủ có quy định mới. Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn được thành lập từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

Nghị định nêu rõ, người sử dụng lao động phải rà soát hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và quy chế để điều chỉnh; không được xóa bỏ hoặc cắt giảm chế độ lương làm thêm giờ, làm đêm, bồi dưỡng bằng hiện vật và các chế độ khác.

Các nội dung đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc các thỏa thuận hợp pháp khác có lợi hơn cho người lao động (như chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi qua học tập, đào tạo nghề cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu và chế độ trả lương cho người lao động làm công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cao hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường) so với quy định tại Nghị định này thì tiếp tục được thực hiện, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN HỒ, ĐẬP CHỨA NƯỚC

Nghị định số 402/2026/NĐ-CP ngày 06/11/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, tập trung điều chỉnh thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác quản

lý, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.

Nghị định quy định rõ thẩm quyền quyết định danh mục đập, hồ chứa thủy lợi theo quy mô và phạm vi quản lý. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định đối với các công trình liên quan đến từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên. Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đối với các công trình thuộc địa bàn quản lý, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp Trung ương.

Về phương án ứng phó thiên tai và quy trình vận hành hồ chứa, Nghị định bổ sung, điều chỉnh thành phần hồ sơ, trình tự thẩm định và thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện trực tiếp, trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính. Đồng thời, phân định rõ trách nhiệm thẩm định, phê duyệt giữa Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã, góp phần tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý.

Một số nội dung khác được hoàn thiện gồm các quy định về kiểm định an toàn đập, hồ chứa; cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn; cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Trong đó, yêu cầu các tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thường xuyên rà soát phương án ứng phó, cập nhật thông tin và chủ động xây dựng kế hoạch xử lý các tình huống có thể xảy ra nhằm bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du.

Nghị định quy định nguồn kinh phí thực hiện công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/12/2026.

GIẢM 30% THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRONG NĂM 2026 VÀ 2027

Ngày 29/10/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 398/2026/NĐ-CP quy định chi tiết Nghị quyết số 43/2026/QH16 về giảm thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN). Nghị định có hiệu lực từ ngày 29/10/2026, áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2026 và năm 2027.

Theo Nghị định, cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh thu hằng năm không quá 10 tỷ đồng được giảm 30% số thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế năm 2026 và năm 2027. Chính sách áp dụng không phân biệt phương pháp tính thuế. Trường hợp cá nhân đã kê khai thuế nhưng chưa kê khai số thuế được giảm, được thực hiện khai điều chỉnh, bổ sung hồ sơ hoặc xác định số thuế giảm khi quyết toán thuế năm. Nếu phát sinh số thuế nộp thừa, cá nhân được bù trừ hoặc hoàn trả theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Đối với thuế TNDN, Nghị định quy định giảm 30% số thuế phải nộp của kỳ tính thuế năm 2026 và năm 2027 đối với doanh nghiệp, tổ chức

được thành lập theo pháp luật Việt Nam có doanh thu hằng năm không quá 10 tỷ đồng.

Số thuế TNDN được giảm tính trên toàn bộ thu nhập của doanh nghiệp, không phân biệt phương pháp tính thuế, bao gồm cả các khoản thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế TNDN. Trường hợp doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế theo Luật Thuế TNDN hoặc các luật, nghị quyết khác của Quốc hội, số thuế được giảm được tính trên số thuế phải nộp sau khi đã trừ ưu đãi thuế. Doanh thu làm căn cứ xác định đối tượng được giảm thuế bao gồm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác. Đối với doanh nghiệp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, doanh thu được xác định bao gồm cả doanh thu của các đơn vị này thể hiện trên báo cáo tài chính tổng hợp năm.

Nghị định nêu rõ không áp dụng chính sách giảm thuế TNDN đối với doanh nghiệp hình thành từ việc chia, tách sau ngày Nghị quyết số 43/2026/QH16 có hiệu lực nếu tổng doanh thu hằng năm của các doanh nghiệp sau chia, tách vượt 10 tỷ đồng.

Doanh thu làm căn cứ xác định đối tượng được giảm thuế bao gồm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác. Đối với doanh nghiệp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, doanh thu được xác định bao gồm cả doanh thu của các đơn vị này thể hiện trên báo cáo tài chính tổng hợp năm.

Đáng chú ý, trường hợp cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp khai bổ sung hồ sơ khai thuế hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán làm tăng số thuế thu nhập phải nộp thì số thuế tăng thêm vẫn được giảm 30% nếu tiếp tục đáp ứng đầy đủ điều kiện. Trường hợp số thuế phải nộp giảm, phải điều chỉnh giảm số thuế được giảm và xử lý số tiền thuế nộp thừa.

CHƯƠNG TRÌNH "HÀNG VIỆT VÌ NGƯỜI VIỆT" GIAI ĐOẠN 2026-2030

Chương trình "Hàng Việt vì người Việt" giai đoạn 2026-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 29/10/2026 tại Quyết định số 2069/QĐ-TTg.

Cụ thể, giai đoạn 2026-2030, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phấn đấu tăng trưởng bình quân 14-15%/năm, đến năm 2030 đạt khoảng 13.500-14.000 nghìn tỷ đồng; tỷ lệ hàng Việt Nam tại các siêu thị, trung tâm thương mại trong nước duy trì trên 80%, tại các kênh thương mại truyền thống đạt trên 60%; doanh thu thị trường nội địa các ngành sản xuất hàng tiêu dùng Việt Nam phấn đấu tăng bình quân 12-15%/năm; trên 70% doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất hàng tiêu dùng ứng dụng thương mại điện tử; 45% doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

Về chất lượng sản phẩm, Chương trình đặt mục tiêu xây dựng bộ nhận diện trên cơ sở tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật và quy định chuyên ngành, tiệm cận thông lệ quốc tế; triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Trong lĩnh vực chuyển đổi số, Chương trình phấn đấu xây dựng, vận hành Nền tảng số hàng Việt Nam, kết nối dữ liệu về doanh nghiệp, sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, điểm phân phối và phản hồi của người tiêu dùng; hình thành ít nhất 5 gian hàng số chuyên ngành hàng Việt trên các sàn thương mại điện tử lớn; doanh số thương mại điện tử dự kiến tăng trưởng bình quân 23-25%/năm, đạt khoảng 93-97 tỷ USD vào năm 2030, chiếm 18-19% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước.

Chương trình triển khai nhiều nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó chú trọng chiến dịch truyền thông quốc gia. Các hoạt động sẽ tập trung giới thiệu sản phẩm, thương hiệu, doanh nghiệp Việt, thông tin về chất lượng, nguồn gốc và địa chỉ mua hàng; phát triển chuyên trang trên báo chí, hệ thống tài khoản mạng xã hội chính thức, sản xuất video ngắn, livestream, infographic và câu chuyện sản phẩm. Cùng với đó, phát triển các kênh phân phối hiện đại, thương mại điện tử và mô hình bán lẻ đa kênh; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đưa hàng Việt lên sàn thương mại điện tử. Chương trình cũng khuyến khích tiêu dùng hàng hóa có xuất xứ Việt Nam trong khu vực công, mở rộng điểm trưng bày, giới thiệu và bán hàng tại sân bay, cửa khẩu, cảng biển, khu du lịch.

Danh sách doanh nghiệp, sản phẩm đáp ứng tiêu chí sẽ được công bố trên nền tảng số; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ các chủ thể OCOP mở rộng thị trường.

Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường; rà soát, hoàn thiện chính sách về thương mại trong nước, tiêu chuẩn chất lượng, phân phối, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

SỬA ĐỔI MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ GIA ĐÌNH

Thông tư số 27/2026/TT-BVHTTDL ngày 03/11/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực văn hóa và gia đình, tập trung vào 3 nhóm nội dung chính.

Thông tư sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng. Theo đó, xác định cụ thể các chủ thể tham gia thực hiện, bao gồm Ban Chỉ đạo công tác gia đình, các câu lạc bộ, trung tâm

học tập cộng đồng, tổ liên gia, nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, tổ hòa giải ở cơ sở, cơ sở y tế, cơ sở trợ giúp xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Đồng thời, quy định Ban Chỉ đạo công tác gia đình cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND cùng cấp tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cộng đồng.

Đối với hoạt động tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng, Thông tư sửa đổi quy định về thành phần và trách nhiệm của Ban Tổ chức, Ban Giám khảo. Cụ thể, Trưởng Ban Tổ chức là người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc người được ủy quyền; số lượng thành viên Ban Tổ chức không quá 10 người và phải phù hợp với quy mô, tính chất của từng cuộc thi, liên hoan. Thành viên Ban Giám khảo phải có năng lực chuyên môn phù hợp, ưu tiên lựa chọn nghệ sĩ uy tín, chuyên gia, giảng viên và hội viên các hội văn học nghệ thuật có chuyên môn liên quan. Việc thành lập Ban Tổ chức các cuộc thi, liên hoan văn nghệ quần chúng cấp tỉnh, cấp xã do Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định.

Đối với hoạt động thư viện lưu động và luân chuyển tài nguyên thông tin, Thông tư bổ sung quy định về xây dựng kế hoạch, lựa chọn địa điểm luân chuyển căn cứ vào năng lực của thư viện công lập và nhu cầu sử dụng tài nguyên thông tin của người dân. Trong đó, ưu tiên các địa bàn xa trung tâm, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo và các thiết chế văn hóa cơ sở, trường học, cơ sở giáo dục có phục vụ sách, báo cho cộng đồng. Qua đó góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, phát triển văn hóa đọc trong nhân dân.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2027.

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG TRƯỜNG HỌC

Từ ngày 19/12/2026, tiêu chuẩn, tiêu chí và việc đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học", giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 áp dụng Thông tư số 94/2026/TT-BGDĐT ngày 03/11/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tư yêu cầu việc đánh giá mức độ triển khai Đề án phải bảo đảm khách quan, trung thực, chính xác, minh bạch, dựa trên các thông tin, dữ liệu và minh chứng có thể kiểm chứng, phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình của từng cơ sở giáo dục.

Việc đánh giá được thực hiện theo 03 mức độ, từ mức độ 1 đến mức độ 3, theo nguyên tắc kế thừa và nâng cao. Các tiêu chuẩn, tiêu chí tập trung vào xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh; chương trình, hoạt động dạy học; học liệu, cơ sở vật chất; năng lực đội ngũ nhà giáo; chuyển đổi số và hoạt động hợp tác quốc tế, phù hợp với từng cấp học và loại hình giáo dục.

Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức tự đánh giá, xác định và tự

công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án trên cơ sở các tiêu chuẩn, tiêu chí và minh chứng cụ thể. Cơ quan quản lý giáo dục có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, rà soát và yêu cầu điều chỉnh kết quả tự công nhận khi phát hiện chưa phù hợp với thực tế.

Thông tư quy định trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục trong tổ chức thực hiện. Kết quả đánh giá là căn cứ để xây dựng kế hoạch, nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh, từng bước hình thành môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên, hiệu quả trong trường học.

TIẾP NHẬN THÔNG TIN VÀ QUY TRÌNH CẤP CỨU NGOẠI VIỆN

Thông tư số 42/2026/TT-BYT ngày 31/10/2026 của Bộ Y tế quy định về tiếp nhận thông tin và quy trình cấp cứu ngoại viện (CCNV), có hiệu lực từ ngày 01/11/2026.

Theo Thông tư, mọi thông tin đề nghị hỗ trợ về y tế đến đầu số 113 phải được phân nhánh đến nhân viên y tế trực Tổng đài 113 (NVYT 113) tại Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an tỉnh, thành phố. Khi tiếp nhận thông tin, NVYT 113 trao đổi về nội dung cần hỗ trợ với người đề nghị được hỗ trợ; phân loại tình trạng người bệnh, người bị nạn, yêu cầu cấp cứu; ra lệnh điều động cơ sở CCNV (nếu cần). Trường hợp cần hỗ trợ, NVYT 113 có quyền điều động các nguồn lực phục vụ việc cấp cứu phù hợp với thẩm quyền được giao.

Sau khi nhận được thông tin điều động từ NVYT 113, cơ sở CCNV điều động kíp cấp cứu, phương tiện và các nguồn lực phù hợp với tình trạng người bệnh, người bị nạn, yêu cầu chuyên môn và điều kiện thực tế của cơ sở; chuẩn bị tiếp nhận người bệnh nếu được điều động thực hiện cả nhiệm vụ tiếp nhận và cấp cứu người bệnh.

Lệnh điều động là bắt buộc được thực hiện bằng lời nói, chữ viết hoặc các dạng thông tin khác. Kíp CCNV khẩn trương đến hiện trường, sơ cứu, cấp cứu và các biện pháp phù hợp với tình trạng người bệnh, người bị nạn, điều kiện hiện trường và phạm vi hoạt động chuyên môn; quyết định việc lựa chọn và thông báo cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để chuẩn bị tiếp nhận, cập nhật thông tin với Tổng đài 113; vận chuyển, bàn giao với Tổng đài 113 về việc kết thúc hoạt động. NVYT 113 có trách nhiệm theo dõi, cập nhật thông tin và thực hiện việc điều phối trong trường hợp nhận được thông tin yêu cầu bổ sung nhu cầu hỗ trợ việc cấp cứu; ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu về tiếp nhận, xử lý CCNV. Cơ sở tiếp nhận cấp cứu tiếp nhận và cấp cứu người bệnh; cập nhật thông tin cho Tổng đài 113 trong trường hợp phát sinh các trường hợp cấp cứu khác hoặc các trường hợp bất khả kháng dẫn đến không có khả năng tiếp nhận người bệnh theo lệnh điều động.

Cơ sở CCNV tổ chức bộ phận tiếp nhận thông tin 24 giờ trong ngày, 07 ngày trong tuần; bảo đảm nhân lực, phương tiện, thuốc, thiết bị y tế và hệ thống thông tin phục vụ CCNV; lắp đặt thiết bị định vị trên xe cứu thương và kết nối dữ liệu với Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an tỉnh,

thành phố; chấp hành lệnh điều động tham gia CCNV; thường xuyên cập nhật trạng thái sẵn sàng của các nguồn lực để phục vụ CCNV; tổ chức đào tạo, tập huấn và diễn tập định kỳ cho người hành nghề và nhân viên tham gia CCNV…

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp nhận người bệnh phải có bộ phận tiếp nhận thông tin 24/7, chuẩn bị nhân lực, giường bệnh, thuốc, thiết bị và phản hồi thông tin cho cơ sở CCNV và Tổng đài 113.

PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU TỔNG HỢP QUỐC GIA

Mức thu, giảm, chế độ thu, nộp phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia (CSDLTHQG) được quy định tại Thông tư số 156/2026/TT-BTC ngày 20/10/2026 của Bộ Tài chính.

Tổ chức, cá nhân khi yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin trong CSDLTHQG là người nộp phí khai thác và sử dụng thông tin trong CSDLTHQG theo quy định tại Thông tư này, trừ các trường hợp không phải nộp phí theo quy định của pháp luật về dữ liệu và pháp luật về giao dịch điện tử. Trung tâm Dữ liệu quốc gia là tổ chức thu phí.

Về mức thu, Bộ Tài chính quy định hai giai đoạn áp dụng. Từ ngày 01/11/2026 đến hết ngày 31/12/2028, mức thu phí là 300 đồng/trường dữ liệu. Từ ngày 01/01/2029 trở đi, mức thu phí là 600 đồng/trường dữ liệu.

Thông tư cũng quy định cụ thể các trường hợp được giảm phí. Theo đó, cá nhân thuộc một trong 6 nhóm đối tượng sau được giảm 50% mức thu phí: Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trường hợp cá nhân đồng thời thuộc từ 02 nhóm đối tượng được giảm phí trở lên chỉ được áp dụng một mức giảm là 50%.

Người nộp phí nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí. Tổ chức thu phí có trách nhiệm nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Số tiền này bao gồm cả tiền lãi phát sinh, nếu có, trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí. Chi phí phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí, thực hiện theo chế độ và định mức chi ngân sách nhà nước. Việc khai, nộp và quyết toán phí của tổ chức thu phí được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

Ngoài ra, Thông tư nêu rõ trách nhiệm hoàn trả phí nhằm bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin. Cụ thể, trường hợp người nộp phí đã nộp phí nhưng không được cung cấp hoặc chỉ được cung cấp một phần thông tin theo yêu cầu đã thanh toán hoặc phát sinh giao dịch thu trùng, thu vượt mức quy định, tổ chức thu phí có trách nhiệm kiểm tra, đối soát, xác định số tiền phí được hoàn trả và hoàn trả cho người nộp phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO THÔNG TƯ VỀ CHẾ ĐỘ THÙ LAO ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỌC, KIỂM TRA VÀ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG XUẤT BẢN PHẨM LƯU CHIỂU

Dự thảo Thông tư quy định chế độ thù lao đối với người đọc, kiểm tra và thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu do Bộ Tài chính xây dựng.

Phạm vi điều chỉnh của Thông tư là mức chi trả thù lao đối với người đọc, kiểm tra và thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu theo quy định của pháp luật về xuất bản và các nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ liên quan; nguồn kinh phí, quản lý và sử dụng kinh phí chi trả chế độ thù lao đối với người đọc, kiểm tra và thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu.

Theo dự thảo, kinh phí chi trả được lấy từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Những cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc cá nhân được giao quản lý và dùng tiền ngân sách nhà nước để trả thù lao cho việc đọc, kiểm tra và thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu phải sử dụng khoản tiền này đúng theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan. Khi chi trả, phải bảo đảm trả đúng người, đúng mục đích, đúng chế độ và đúng mức chi mà cơ quan có thẩm quyền đã quy định. Chỉ có một đầu mối phụ trách thanh toán để tránh chi trùng một khoản hai lần. Việc chi tiêu này còn chịu sự thanh tra, kiểm toán và giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

Nhu cầu kinh phí hằng năm được tổng hợp vào dự toán ngân sách để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

DỰ THẢO THÔNG TƯ VỀ QUẢN LÝ CÁC TRUNG TÂM VĂN HÓA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Dự thảo Thông tư quy định về quản lý các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch soạn thảo, quy định về vị trí, chức năng, tên gọi; nguyên tắc hoạt động; nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; chế độ thông tin, báo cáo của Trung tâm; quản lý viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm.

Thông tư sẽ áp dụng trực tiếp đối với các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đồng thời áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài là đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và là cơ quan đại diện của Bộ ở nước ngoài, có tài khoản cùng con dấu riêng. Trung tâm có chức năng tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá văn hóa, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, xúc tiến du lịch và hỗ trợ thể thao. Bên cạnh đó, Trung tâm có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan đại diện

ngoại giao phát triển quan hệ hữu nghị, tăng cường hiểu biết giữa nhân dân sở tại với Việt Nam; thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với Tổ quốc.

Dự thảo nêu rõ mọi hoạt động của Trung tâm phải phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam cùng các chiến lược, quy hoạch ngành; tuân thủ luật pháp, thông lệ quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời tôn trọng pháp luật và văn hóa, phong tục tập quán của nước sở tại; chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm bí mật nhà nước và hiệu quả đối ngoại của Bộ.

Trung tâm thực hiện 10 nhóm nhiệm vụ và quyền hạn lớn bao gồm đề xuất Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch, cơ chế chính sách hoặc văn bản hợp tác quốc tế; tổ chức các hoạt động sự nghiệp công như quảng bá văn hóa, nghệ thuật, du lịch, ẩm thực, y học cổ truyền, giảng dạy tiếng Việt, tổ chức hội thảo, nghiên cứu thực địa và tuyên truyền đối ngoại; mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại nước sở tại và vùng lân cận; quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất và đầu tư xây dựng; thực hiện xã hội hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, đề xuất khen thưởng; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, viên chức, người lao động và thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Sinh hoạt đảng trực tuyến được áp dụng đối với những trường hợp nào?*

Trả lời: Quy định 228-QĐ/TW của Ban Bí thư về sinh hoạt đảng trực tuyến có hiệu lực từ ngày 03/11/2026.

Theo khoản 2 Điều 1 Quy định này, sinh hoạt đảng trực tuyến chỉ được áp dụng đối với sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt đảng bộ, sinh hoạt chi bộ (sinh hoạt định kỳ, sinh hoạt chuyên đề) trong trường hợp cần thiết và có đủ điều kiện.

2. Hỏi: *Những nội dung nào không được thực hiện trong sinh hoạt đảng trực tuyến?*

Trả lời: Các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định 228-QĐ/TW không thực hiện trong sinh hoạt đảng trực tuyến, gồm:

- Công tác tổ chức và cán bộ; công tác bảo vệ chính trị nội bộ;

- Công tác rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; xem xét, quyết định xóa

tên đảng viên, xem xét cho đảng viên xin ra khỏi Đảng;

- Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng;

- Các nội dung liên quan đến bỏ phiếu kín.

3. Hỏi: *Việc điểm danh, xác thực thành viên trong sinh hoạt đảng trực tuyến được thực hiện như thế nào?*

Trả lời: Khoản 4 Điều 5 Quy định 228-QĐ/TW yêu cầu người chủ trì có trách nhiệm điểm danh, xác thực, kiểm soát thành phần và theo dõi sự tham gia của thành viên trong suốt thời gian sinh hoạt. Trường hợp thành viên tham gia bằng thiết bị cá nhân, việc xác thực danh tính được thực hiện thông qua ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử hoặc nền tảng họp trực tuyến. Trường hợp tổ chức trực tuyến tại các điểm cầu, người chủ trì hoặc người được phân công phụ trách điểm cầu điểm danh, kiểm soát thành phần tham gia và báo cáo người chủ trì cuộc sinh hoạt.

4. Hỏi: *Đảng viên tham gia sinh hoạt đảng trực tuyến có trách nhiệm gì?*

Trả lời: Khoản 5 Điều 6 Quy định 228-QĐ/TW xác định trách nhiệm của đảng viên tham gia sinh hoạt đảng trực tuyến như sau:

- Chấp hành nghiêm nguyên tắc, chế độ sinh hoạt đảng; thực hiện điểm danh, xác thực danh tính theo yêu cầu; tham gia đầy đủ, liên tục trong suốt thời gian sinh hoạt; chịu trách nhiệm về ý kiến phát biểu, biểu quyết của mình;

- Chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ bí mật của Đảng, bảo mật thông tin, tài liệu; không ghi âm, ghi hình, chụp màn hình, sao chép hoặc phát tán nội dung, tài liệu cuộc sinh hoạt, trừ trường hợp được người chủ trì sinh hoạt cho phép theo quy định;

- Tham gia sinh hoạt tại địa điểm phù hợp, bảo đảm riêng tư; không giao tài khoản hoặc thông tin xác thực cho người khác; không để người không có trách nhiệm tham dự, theo dõi hoặc tiếp cận nội dung sinh hoạt;

- Kịp thời báo cáo người chủ trì khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn, an ninh thông tin hoặc nguy cơ lộ lọt thông tin; nghiêm chỉnh chấp hành yêu cầu của người chủ trì khi xảy ra sự cố./.